TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2026
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quốc E, sinh năm 1973; Căn cước công dân số: 096073002859 *(xin vắng mặt)*.

Địa chỉ: Ấp K, xã C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Căn cước công dân số: 096177004896 *(xin vắng mặt)*.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, ông Trần Quốc E trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Trần Quốc E và bà Nguyễn Thị H có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1996, hôn nhân không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng không còn chung sống từ năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạc được nên ông E yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về nuôi con: Có hai người con chung tên Trần Thanh P, sinh ngày 03/02/1997 (nam); Trần Thanh P1, sinh ngày 07/10/2006 (nam). Các người con hiện

nay đã trưởng thành nên khi ly hôn, ông E không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng, về trợ cấp và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân đúng như ông Trần Quốc E trình bày, hôn nhân có làm đám cưới gã theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Quốc E quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đưa về ra mắt cha, mẹ ruột của ông Quốc E. Vợ chồng ly thân từ năm 2019, khi ly thân bà H sống ở ấp X Trong, xã N, tỉnh Cà Mau, đến năm 2025 tôi mới chuyển về sống ở ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau còn ông Trần Quốc E sống ở xã C, tỉnh Cà Mau. Nay qua yêu cầu ly hôn của ông Trần Quốc E, bà H đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con: Có hai người con chung tên Trần Thanh P, sinh ngày 03/2/1997 (nam), Trần Thanh P1, sinh ngày 07/10/2006 (nam). Các người con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

Ông Trần Quốc E yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp "Xin ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bà H cư trú tại ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung một số Điều năm 2025).

Ông Trần Quốc E và bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc, gia đình neo đơn, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của đương sự là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án.

- Về hôn nhân: Ông Trần Quốc E và bà Nguyễn Thị H có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1996; ông E và bà H xác định hôn nhân không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; hiện tại hôn nhân giữa ông E và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Quốc E yêu cầu ly hôn với bà H, bà H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy ông E và bà H chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì quan hệ của ông Trần Quốc E và bà Nguyễn Thị H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về nuôi con: Có hai người con chung tên Trần Thanh P, sinh ngày 03/02/1997 (nam) và Trần Thanh P1, sinh ngày 07/10/2006 (nam). Các người con hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Ông Trần Quốc E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông E được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 220, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Quốc E và bà Nguyễn Thị H.

Về nuôi con: Có hai người con chung;

Trần Thanh P, sinh ngày 03/02/1997 (nam).

Trần Thanh P1, sinh ngày 07/10/2006 (nam).

Các người con hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Ông Trần Quốc E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông E được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004759 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, ông E đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Cà Mau ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Diệu Hiền